

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường Mầm non 13/3
năm học 2025-2026

TT	Nội dung	Nhà trẻ - Mẫu giáo
I	Mức độ về sức khỏe mà trẻ em sẽ đạt được	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
II	Mức độ về năng lực và hành vi mà trẻ em sẽ đạt được	- Về tình cảm xã hội: Có ý thức về bản thân. Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh; có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. Có một số kỹ năng sống: Tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. Thực hiện được một số quy định trong quy định sinh hoạt hằng ngày. - Về nhận thức: Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Về ngôn ngữ: Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói, có khả năng diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ ...). Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết. - Về thẩm mỹ: có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. Yêu thích hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật.
III	Chương trình chăm sóc giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	13/13 nhóm lớp thực hiện chương trình Phát triển chủ đề (theo tình hình thực tiễn, hiện tại trẻ chưa đến trường thực hiện các ND tuyên truyền chuyển tải trên zalo nhóm lớp)
IV	Các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục	- Đảm bảo đủ đội ngũ GV: Bán trú 2 GV/lớp. Giáo viên yêu nghề, yêu trẻ, luôn học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ . - Đảm bảo 13 phòng học cho 153nhóm lớp - Đảm bảo đủ trang thiết bị tối thiểu cho 153nhóm lớp Kết quả về chăm sóc: - Khẩu phần dinh dưỡng đạt: 882 -955 /calo/ngày. - Thực đơn phù hợp với lứa tuổi, đảm bảo cân đối thành phần các chất dinh dưỡng. - Theo dõi sức khỏe trẻ: + Khám sức khỏe chuyên khoa cho trẻ : 1lần/ năm học (dự kiến trong tháng 9/2024). + Gáo viên, nhân viên được khám sức khỏe: 1 lần/năm, test PCR Covid hàng tuần. + Theo dõi biểu đồ TT: Hằng quý (khi trẻ trở lại trường) Kết quả về nuôi dưỡng: - Tỷ lệ trẻ SDD (CN-CC-TC-BP) : giảm dưới 5 %

Dầu Tiếng, ngày 15 tháng 9 năm 2025

Hiệu trưởng

Nguyễn Ngọc Kim Anh

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục đầu năm học 2025 -2026

Đơn vị tính: trẻ em

TT	Nội dung	Mẫu giáo – Nhà trẻ				
		Tháng 9				
		Tổng số	NT	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em					
1	Số trẻ em nhóm ghép (trẻ lớp mầm ghép qua lớp chồi)	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	334	50	62	108	114
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	334	50	62	108	114
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	334	50	62	108	114
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em					
1	Trẻ bình thường:	258	41	49	84	84
2	Trẻ SDD thể nhẹ cân	4	0	3	1	0
3	Trẻ SDD thể thấp còi	8	3	0	4	1
	Trong SDD 02 thể	3	0	0	3	0
4	Trẻ thừa cân	28	4	3	9	12
4	Số trẻ em béo phì	33	2	7	7	17
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	334	50	62	108	114
1	Đối với mẫu giáo- Nhà trẻ	334	50	62	108	114
2	Chương trình giáo dục mầm non	334	50	62	108	114

Dầu Tiếng, ngày15 tháng 9 năm 2025
Hiệu trưởng

Nguyễn Ngọc Kim Anh

Thông kê cơ sở vật năm học 2025-2026

STT	Nội dung		Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng		31	
II	Loại phòng học		18	
1	Nhóm trẻ		4	4 m ² /TE
2	Lớp mẫu giáo		14	3,2m ² /TE
III	Số điểm trường		1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)		9.642	28,611/TE
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)		1,603,5	4,75 m ² /TE
VI	Tổng diện tích một số loại phòng			
1	Khối phòng hành chính			
	Khối phòng hành chính quản trị (30 m ²)		2	
	Phòng giám hiệu (15 m ²)		3	
	Phòng y tế (15 m ²)		1	
	Phòng truyền thống (80 m ²)		1	
	Văn phòng (68 m ²)		1	
	Phòng tiếp khách		1	
2	Khối phòng chức năng			
	Phòng GD âm nhạc (154,15m ²)		1	
	Phòng GD thể chất		0	
3	Khối phòng học			
	Khối phòng nhóm lớp		18	63 m ²
	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)		18	21 m ²
	Diện tích hiên chơi (m ²)		18	24,5 m ²
4	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (356 m²)		1	0.901m ² /trẻ
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		18	Số bộ/nhóm (lớp)
VIII	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập		17	1 bộ /lớp
	- Máy tính Kidsmart, Haypykirst		14	
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác			Thiết bị/nhóm

				(lớp)
1	Ti vi		11 cái	
2	Nhạc cụ (Đàn organ,)		6	
3	Máy photo		1	
5	Catsset		0	
6	Đầu Video/đầu đĩa: đầu đĩa		11	
7	Thiết bị khác: Amply+Loa +Micro không dây		01 bộ	
8	Đồ chơi ngoài trời:		Bộ	
	- Cầu trượt	02		
	- Bồn chơi cát nước	0		
	- Xích đu	04		
	- Chòi cầu trượt	02		
	- Tàu hỏa	02		
	- Cầu trượt liên hoàn	03		
	- Bập bênh	04		
	- Bập bênh (đôi)	02		
	- Thang leo, xà đu	01		
	- Thú nhún	04		
	- Đu quay	02		
9	Bàn trẻ		245	
	Ghế trẻ ngồi		490	
10	Thiết bị khác			
	- Máy vi tính văn phòng		8 máy	
	- Máy in		6 máy	
I XI	Công trình khác		Có	Không
1	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Nước máy		
2	Kết nối internet (ADSL)		x	
3	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục		x	
4	Tường rào xây		x	

Dầu Tiếng, ngày 15 tháng 9 năm 2025

Hiệu trưởng

Nguyễn Ngọc Kim Anh

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
Đầu năm học 2025-2026

TT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			tuyển dụng theo NĐ 116 (Biên chế, hợp đồng ...)	Các hợp đồng khác NĐ 111...)	TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	49	35	14	0	0	25	9	1	14 (BV, PV, CD)	
I	Giáo viên	30	30	0	0	0	22	8	0	0	
II	Cán bộ quản lý	3	3	0	0	0	3	0	0	0	
1	Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	0	0	0	
2	Phó hiệu trưởng	2	2	0	0	0	2	0	0	0	
III	Nhân viên	16	2	14	0	0	0	1	1	14	
1	Nhân viên văn thư	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Nhân viên kế toán	0	0	0	0	0	0	1	0	0	
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Nhân viên y tế	1	1	0	0	0	0	0	1	0	
5	Nhân viên khác: - Bảo vệ - Cấp dưỡng - Phục vụ - Bảo mẫu	3 10 1 0		3 10 1 0				1		3 10 1 0	

Dầu Tiếng, ngày 15 tháng 9 năm 2025
Hiệu trưởng

Nguyễn Ngọc Kim Anh